

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HS-ST

Ngày 25/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoan.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thăng.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Trường, ông Lương Ngọc Vượng, ông Nguyễn Việt Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Đào Đức Độ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Đoàn Thị Quỳnh D, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1990, tại thành phố B; Giới tính: Nữ.

Nơi thường trú: Khu phố Kim Đôi, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Chỗ ở: Căn hộ 0320, tòa S2.02 Dự án KĐT mới T, Đ (Vinhomes S), phường T, quận N, Thành phố Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do (Nguyên cán bộ tín dụng ABBANK Văn Lâm)

Con ông: Đoàn Đức K (đã chết); Con bà: Nguyễn Thanh D1.

Chồng: Khúc Văn H, sinh năm 1985 (đã ly hôn năm 2019).

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/9/2022; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh H, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo D: Luật sư Nguyễn Hùng P - Văn phòng L2 - Đoàn luật sư tỉnh H và luật sư Vũ Văn N - Công ty TNHH H4 - Đoàn luật sư tỉnh B; Có mặt.

*** Bị hại:**

- Ngân hàng thương mại cổ phần A (A1).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D2 - Phó giám đốc Phòng G - Ngân hàng thương mại cổ phần A; *Có đơn xin xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Số E, chợ Đ1, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1988.

- Chị Vũ Thị N1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên *Có mặt.*

- Anh Võ Văn H1, sinh năm 1985 (*có mặt*).

- Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1990 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

- Anh Đào Bình H2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Y, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội (*có đơn xin xử vắng mặt*).

- Anh Nguyễn Anh H3, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số C ngách E, tổ B, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội (*có đơn xin xử vắng mặt*).

*** Người làm chứng:**

Chị Kiều Thị Đ, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Phòng G - Ngân hàng thương mại cổ phần A. Số 51, chợ Đ1, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Thị Quỳnh D là nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần A - Phòng giao dịch huyện V, tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi là ABBANK Văn L) từ ngày 18/12/2020 đến ngày 18/12/2021 thì nghỉ việc. Quá trình làm việc, D có nhiệm vụ theo dõi, thu thập, quản lý hồ sơ các khách hàng có nhu cầu vay vốn, hỗ trợ thủ tục, theo dõi, nhắc nợ các khoản vay đến kỳ hạn cho khách hàng và trình hồ sơ giải ngân cho Lãnh đạo Phòng giao dịch phê duyệt. Trong số các khách hàng D được ABBANK Văn L giao theo dõi, quản lý và hỗ trợ thủ tục vay vốn có vợ chồng anh Nguyễn Đức T, chị Vũ Thị N1 và vợ chồng anh Võ Văn H1, chị Nguyễn Thị P1.

Do làm ăn thua lỗ, cần tiền xử lý công việc nên D đã nảy sinh ý định lấy hạn mức vay của khách để sử dụng việc cá nhân, D đã chủ động cho vợ chồng anh T và vợ chồng anh H1 ký, điền chỉ sẵn nhiều bộ giấy tờ làm thủ tục vay vốn

Ngân hàng mà không có nội dung (không điền số tiền, thời hạn giải ngân, ký điểm chỉ giấy trắng) nói là để khi nào cần giải ngân chỉ cần báo cho D mà không phải đi lại nhiều lần làm cho vợ chồng anh T, vợ chồng anh H1 tin tưởng ký điểm chỉ theo yêu cầu của D. D đã sử dụng những tờ giấy này tự ý điền số tiền và làm thủ tục để Ngân hàng giải ngân cho vợ chồng anh T và vợ chồng anh H1 vay tiền mà không thông báo cho khách hàng biết, sau đó chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

*** Hành vi của Đoàn Thị Quỳnh D lừa đảo chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của ABBANK Văn Lâm thông qua hồ sơ vay vốn của vợ chồng anh Nguyễn Đức T.**

Ngày 25/12/2017, khi làm thủ tục vay vốn ABBANK Văn L, vợ chồng anh Nguyễn Đức T đã thế chấp tài sản là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên với hạn mức vay là 1.200.000.000 đồng. Tính đến ngày 03/7/2021, D đã làm thủ tục cho vợ chồng anh T vay A1 số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Thấy vợ chồng anh T còn có thể vay thêm 300.000.000 đồng, ngày 14/10/2021, D đã sử dụng những tờ giấy trước đó cho vợ chồng anh T ký điểm chỉ không, tự ý in thành nội dung Giấy nhận nợ, Ủy nhiệm chi số tiền 300.000.000 đồng, đồng thời làm thủ tục để ABBANK Văn Lâm giải ngân cho anh T vay số tiền trên thông qua tài khoản của anh Đào Bình H2, sinh năm 1984, trú tại thôn Y, xã D, huyện G, Thành phố Hà Nội mục đích để trả nợ cho anh H2 khoản tiền D vay trước đó mà không thông báo cho vợ chồng anh T biết.

Cuối tháng 12/2021, chị Vũ Thị N1 (là vợ anh T) đến ABBANK Văn Lâm để thanh toán nợ thì phát hiện ngày 14/10/2021, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng anh T vay số tiền 300.000.000 đồng trong khi anh T, chị N1 không có nhu cầu và không nhận được khoản tiền vay này.

Bản kết luận giám định số 153 ngày 02/8/2022 của Phòng K1 - Công an tỉnh H kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục “Chủ tài khoản” và “ĐẠI DIỆN BÊN VAY/BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG” tại Giấy Ủy nhiệm chi ngày 14/10/2021 do anh Nguyễn Đức T và chị Vũ Thị N1 ký và viết ra; Chữ viết phần nội dung của Ủy nhiệm chi do Đoàn Thị Quỳnh D viết ra.

*** Hành vi của Đoàn Thị Quỳnh D lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng của ABBANK Văn Lâm thông qua hồ sơ vay vốn của vợ chồng anh Võ Văn H1.**

Năm 2015, khi làm thủ tục vay vốn ABBANK Văn Lâm, anh H1 đã thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên, số tiền hạn mức vay tối đa của anh H1 là 3,7 tỷ đồng. Tính đến ngày 11/10/2021, Ngân hàng A2 đã giải ngân cho anh H1 vay số tiền là 2.550.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng). Với cách thức và

thủ đoạn như trên, ngày 27/10/2021, D đã sử dụng những tờ giấy trước đó cho vợ chồng anh H1 ký điểm chỉ không, tự ý điền số tiền và làm thủ tục để Ngân hàng giải ngân cho anh H1 số tiền 1.000.000.000 đồng thông qua tài khoản của anh Nguyễn Anh H3, trú tại số E, thôn B, xã D, huyện G, Thành phố Hà Nội mục đích để trả nợ cho anh H3 khoản tiền D vay trước đó mà không thông báo cho vợ chồng anh H1 biết.

Đầu tháng 12/2021 anh H1 đề nghị D làm thủ tục để ABBANK Văn Lâm cho anh H1 vay số tiền 200.000.000 đồng. Do hạn mức vay của vợ chồng anh H1 đã hết nên D đã dùng tiền của cá nhân chuyển khoản vào tài khoản của anh Ngô Tiến L1, trú tại thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau đó anh Lâm c lại số tiền 200.000.000 đồng cho anh H1.

Để tránh bị phát hiện hàng tháng D là người trả lãi cho các khoản tiền đã chiếm đoạt bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của anh T và anh H1 để Ngân hàng tự động trừ tiền.

Ngày 19/12/2021, Đoàn Thị Quỳnh D nghỉ việc tại ABBANK Văn Lâm. Đến ngày 06/01/2022, lãnh đạo ABBANK Văn Lâm có mời các khách hàng vay vốn của ABBANK Văn Lâm do D quản lý hồ sơ để chốt công nợ. Khi đó anh H1 mới phát hiện việc D tự ý làm thủ tục chiếm đoạt tiền của A1 thông qua hồ sơ vay vốn của vợ chồng anh.

Tại Bản kết luận giám định số 154 ngày 02/8/2022 của Phòng K1 - Công an tỉnh H kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục “Chủ tài khoản” và “ĐẠI DIỆN BÊN VAY/BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG” do anh Võ Văn H1 ký và viết ra; Chữ phần nội dung Ủy nhiệm chi do Đoàn Thị Quỳnh D viết ra.

Ngày 08/01/2022, D đến ABBANK Văn L thừa nhận hành vi của bản thân chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng từ hồ sơ vay vốn của vợ chồng anh T và số tiền 1.000.000.000 đồng từ hồ sơ vay vốn của vợ chồng anh H1, đồng thời cam kết đến ngày 11/01/2022 sẽ khắc phục trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Tuy nhiên, D không thực hiện như cam kết trả lại số tiền này.

Đề thuận lợi cho việc vay vốn, tháng 4/2022, anh T đã trả số tiền 300.000.000 đồng, tháng 6/2022 anh H1 đã trả số tiền 1.000.000.000 đồng cho ABBANK Văn L và yêu cầu D trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho anh T và số tiền 800.000.000 đồng cho anh H1 (đã trừ số tiền 200.000.000 đồng Dương chuyển khoản trước đó).

Tại Cơ quan điều tra, Đoàn Thị Quỳnh D tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, nắp lưng màu xanh da trời.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Đại diện bị hại là ABBANK Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H1 và anh T yêu cầu Đoàn Thị Quỳnh D trả lại anh H1 số tiền 800.000.000 đồng và anh T số tiền 300.000.000 đồng.

Đối với việc anh Đào Bình H2 và anh Nguyễn Anh H3 nhận tiền giải ngân từ ABBANK Văn Lâm thông qua Hợp đồng vay vốn của vợ chồng anh T và vợ chồng anh H1. Quá trình điều tra xác định anh H2 và anh H3 không biết số tiền này là do D thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với anh H2 và anh H3.

Cáo trạng số 72/CT-VKS-P3 ngày 12/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố Đoàn Thị Quỳnh D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nhận trách nhiệm trả lại anh H1 số tiền 800.000.000đ và anh T số tiền 300.000.000đ.

Luật sư Vũ Văn N và Nguyễn Hùng P bào chữa cho bị cáo D nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn nhận tội, đã khắc phục một phần hậu quả; bị cáo đã ly hôn chồng phải nuôi mẹ già và 2 con nhỏ, áp dụng điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức án thấp nhất. Không áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra các luật sư cho rằng Viện kiểm sát đưa Ngân hàng A1 tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại là không đúng mà chỉ là người liên quan, còn người bị hại phải xác định là vợ chồng anh Nguyễn Đức T và Võ Văn H1; Đồng thời phải thu số tiền của anh Nguyễn Anh H3 1.000.000.000đồng, anh Đào Bình Hiếu 300.000.000đồng để trả cho vợ chồng anh T và anh H1.

Đại diện ngân hàng A1 có đơn xin vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Anh Võ Văn H1 yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả lại số tiền 800.000.000đ anh đã trả cho Ngân hàng A1 vào tháng 6/2022 (anh đã nhận 200.000.000đ D chuyển khoản tháng 12/2021).

Anh Nguyễn Đức T yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả cho anh 300.000.000đ mà anh đã trả cho ngân hàng A1 vào tháng 4/2022.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D từ 14 năm đến 14 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 16/9/2022. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 BLHS. Điều 584, 585, 586 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D trả lại cho anh Nguyễn Đức T số tiền 300.000.000 đồng, anh Võ Văn H1 số tiền 800.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, nắp lưng màu xanh da trời.

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Luật sư Vũ Văn N và Nguyễn Hùng P bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D có quan điểm cho rằng phải xác định vợ chồng anh Nguyễn Đức T và Võ Văn H1 là người bị hại; còn Ngân hàng A1 Chi nhánh V chỉ là người liên quan là không đúng vì bị cáo D dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của A1 chi nhánh V chứ không phải chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh T và anh H1.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định số 153, 154 ngày 02/8/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh H và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Đoàn Thị Quỳnh D là nhân viên ngân hàng A3, được giao nhiệm vụ theo dõi, quản lý và hỗ trợ thủ tục vay vốn cho khách hàng nên biết được hạn mức được vay của khách hàng. Do cần tiền để trả nợ từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2021 D đã chủ động cho khách hàng là vợ chồng anh Nguyễn Đức T và vợ chồng anh Võ Văn H1 ký, điếm chỉ không nhiều bộ G1 làm thủ tục vay vốn Ngân hàng A1 chi nhánh V, sau đó sử dụng những giấy tờ này tự ý điền số tiền và làm thủ tục để chiếm đoạt của A1 số tiền 1.300.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 14/10/2021 D đã chiếm đoạt số tiền 300.000.000đ của Ngân hàng A thông qua hợp đồng vay vốn của vợ chồng anh Nguyễn Đức T, ngày 27/10/2021 đã

chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000đ của Ngân hàng A thông qua hồ sơ vay vốn của vợ chồng anh Võ Văn H1.

Bị cáo D là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn biết được hành vi cho khách hàng ký khống giấy tờ, đưa ra thông tin gian dối làm khách hàng tin tưởng, sau đó tự điền thông tin vào hồ sơ vay vốn trình lãnh đạo Ngân hàng A1 giải ngân khoản vay nhằm chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền trả nợ cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, số tiền bị cáo chiếm đoạt 1.300.000.000đồng nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo đã thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Ngân hàng A1, đồng thời còn ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn, uy tín của hệ thống ngân hàng, làm suy giảm lòng tin của khách hàng đối với hoạt động kinh doanh tiền tệ của hệ thống ngân hàng. Do đó cần thiết phải xử lý bị cáo thật nghiêm minh, dành cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng A1 vào ngày 14/10/2021 và 27/10/2021 nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình có mẹ già và 2 con nhỏ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D3 đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 và Điều 54 để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có cơ sở để chấp nhận.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Hình phạt:

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo như phân tích ở trên cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và để phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D phạm tội với động cơ vụ lợi lẽ ra áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền bị cáo nhưng hoàn cảnh bị cáo có khó khăn, đã ly hôn chồng, bị cáo có 2 con nhỏ, bị cáo phải hoàn trả cho 02 khách hàng vay số tiền 1.100.000.000đ nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D đã chiếm đoạt tổng số tiền 1.300.000.000đ của ngân hàng A1. Tháng 4/2022 anh Nguyễn Đức T đã trả 300.000.000đ, tháng 6/2022 anh Võ Văn H1 đã trả 1.000.000.000đ cho ngân hàng A1. Đại diện ngân hàng A1 xác nhận đã nhận lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa anh Nguyễn Đức T và anh Võ Văn H1 yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả lại cho vợ chồng anh T 300.000.000đồng, vợ chồng anh H1 800.000.000đồng là có căn cứ, cần buộc bị cáo D phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho vợ chồng anh T, vợ chồng anh H1 số tiền này.

Đối với anh Đào Bình H2 và Nguyễn Anh H3 không biết số tiền D trả nợ là tiền do D lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có. Vì vậy, không có căn cứ để thu hồi số tiền D đã trả anh H3 số tiền 1.000.000.000 đồng, và trả anh H2 300.000.000 đồng.

[8]. Về vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại di động Sam sung, nắp lưng màu xanh da trời, số điện thoại 0886783135 thu của bị cáo D không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[9]. Án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 468, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

[1]. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 16/9/2022.

[2]. Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D phải trả lại cho vợ chồng anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1988 và chị Vũ Thị N1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D phải trả lại cho vợ chồng anh Võ Văn H1, sinh năm 1985 và chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ và cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án nếu bị cáo D chưa thi hành xong các khoản tiền bồi thường thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3]. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp:

Trả lại cho bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D 01 điện thoại di động Sam sung, nắp lưng màu xanh da trời, số IMEI 353220/82/2522360/0.

(Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng các vật chứng nêu trên được mô tả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên).

[4]. Về án phí:

Bị cáo Đoàn Thị Quỳnh D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 45.000.000đ đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng bằng 45.200.000đ (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

[5]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQ CSĐT-Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hưng Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Luật sư;
- Người liên quan;
- Trại giam;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HSVA, VP, THS.

Nguyễn Văn Hoan